

Các dạng thiết kế nghiên cứu chủ yếu về mâu thuẫn vợ chồng trong một số nghiên cứu quốc tế

Trần Thị Vân Nương

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu về cách thức thiết kế các nghiên cứu về mâu thuẫn vợ chồng qua công trình khoa học xã hội của các tác giả nước ngoài với mong muốn tham khảo các dạng thiết kế và phương pháp chủ đạo để nghiên cứu về chủ đề này. Phần chính của bài viết đề cập tới một số kiểu thiết kế nghiên cứu mâu thuẫn trong hôn nhân, trong đó minh họa các bộ công cụ đo lường mâu thuẫn vợ chồng và các chỉ báo được sử dụng thường xuyên nhất. Tác giả bài viết hy vọng đây sẽ là những gợi ý cho các nghiên cứu can thiệp về mâu thuẫn vợ chồng tại Việt Nam.

Từ khóa: Vợ chồng; Mâu thuẫn; Nghiên cứu; Phương pháp; Thiết kế; Công cụ; Chỉ báo; Đo lường.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, chủ đề mâu thuẫn gia đình thu hút được sự quan tâm của không chỉ các nhà nghiên cứu mà còn cả các nhà quản lý và lập chính sách. Điều này là do mâu thuẫn gia đình được xem xét trong mối quan hệ với vấn đề sức khỏe gia đình, sức khỏe thể chất và tinh thần của các cá nhân và sự bền vững hôn nhân. Trong đó, thu hút sự chú ý là

tỷ lệ các vụ ly hôn ngày càng tăng và độ tuổi ly hôn ngày càng trẻ hơn. Ngoài ra vấn đề bạo lực gia đình, thậm chí là bạo lực trong các quan hệ yêu đương hẹn hò cũng gây ra nhiều mối quan ngại cho xã hội. Thêm nữa, các nghiên cứu cũng chỉ ra mâu thuẫn vợ chồng có liên quan đến hàng loạt các triệu chứng trầm cảm, chứng ăn uống vô độ, làm dụng rượu, nát rượu và sử dụng rượu bia ngoài gia đình (Frank D. Fincham, 2003). Mặc dù tỷ lệ trung bình thì các cá nhân đã kết hôn khỏe mạnh hơn những người không kết hôn nhưng mâu thuẫn trong hôn nhân lại có mối liên hệ với tình trạng sức khỏe kém và một số căn bệnh đặc biệt như ung thư, bệnh tim, một số bệnh mãn tính khác và ảnh hưởng tới chức năng của hệ miễn dịch, nội tiết (Frank D. Fincham, 2003). Đặc biệt, mâu thuẫn hôn nhân ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống gia đình và sự phát triển của trẻ em trong cuộc sống hàng ngày và sự hình thành tính cách và tương lai của trẻ (Grych & Fincham, 2001). Với những tác động trên, nghiên cứu về mâu thuẫn hôn nhân thực sự là một chủ đề cần thiết của nghiên cứu xã hội học gia đình trong xã hội hiện đại ngày nay.

Tuy vậy, mâu thuẫn vợ chồng là một trong số những chủ đề tương đối khó khăn trong việc thực hiện nghiên cứu và thu thập thông tin bởi mâu thuẫn và những xung đột là những phạm trù mà người tham gia ít muốn nói tới. Thêm nữa, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng càng được cho là vấn đề sau cánh cửa của mỗi gia đình. Vì tầm quan trọng của chủ đề nghiên cứu cùng với những khó khăn khi tiến hành nghiên cứu, các nhà khoa học đã dày công lựa chọn các loại hình thiết kế đa dạng với các kỹ thuật đặc biệt đối với chủ đề này. Bài viết dưới đây sẽ trình bày khía cạnh thiết kế nghiên cứu và cách sử dụng các bộ công cụ, chỉ báo thu thập thông tin về chủ đề mâu thuẫn vợ chồng qua một số nghiên cứu quốc tế gần đây.

Một số khái niệm

Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu là một chương trình dẫn dắt nhà nghiên cứu trong quá trình thu thập số liệu, phân tích và lý giải các thông tin thu thập được. Đó là một mô hình lô-gic cho phép nhà nghiên cứu rút ra các kết luận khoa học liên quan đến các quan hệ nhân quả cũng như tính khái quát của cuộc nghiên cứu (Vũ Mạnh Lợi, 2016). Theo đó, bài viết này sẽ tìm hiểu về việc xây dựng một chương trình nghiên cứu sao cho quá trình thu thập số liệu, phân tích và lý giải các thông tin thu thập đối với chủ đề mâu thuẫn vợ chồng đạt hiệu quả tối đa.

Mâu thuẫn vợ chồng: Khái niệm mâu thuẫn vợ chồng được tiếp cận với nghĩa rộng là mâu thuẫn giữa các cặp đôi là vợ chồng hoặc chung sống như vợ chồng và được hiểu là toàn bộ quá trình xung đột giữa vợ và chồng,

bao gồm từ bất đồng quan điểm, tranh luận, cãi nhau bằng ngôn từ/phi ngôn từ (verbal/non-verbal) đến những hành động bạo lực.

2. Các phát hiện chính

Wallace coi việc thiết kế một cuộc điều tra là việc tạo ra công cụ (intrumentation). Hai dạng công cụ mà ông định nghĩa là công cụ chỉ vào các giác quan của con người (như “thị giác”) và công cụ “các giác quan được tăng cường bằng kỹ nghệ”. Loại đầu tiên có thể được thể hiện tốt nhất bằng quan sát tham dự, trong đó công cụ chủ yếu của người điều tra là tai và mắt. Loại thứ hai có thể được thể hiện tốt nhất trong một cuộc điều tra, mà bằng hỏi hay một chương trình phỏng vấn hỗ trợ thêm cho thu thập dữ liệu căn bản bằng giác quan (dẫn theo Baker, 1998: 283). Đối với chủ đề nghiên cứu về mâu thuẫn vợ chồng - được xem là một quá trình chịu tác động bởi nhiều yếu tố với diễn biến gồm có yếu tố nguyên nhân, khởi nguồn, có quá trình, cao trào và kết thúc, cả hai loại công cụ là quan sát tham dự và điều tra bằng bảng hỏi đều được các nhà nghiên cứu sử dụng tối đa. Mỗi loại công cụ này có sự khác biệt và những ưu điểm nhược điểm riêng: dữ liệu có được từ quan sát phản ánh hệ thống các hành động và các phản ứng giữa hai đối tác là vợ và chồng trong quá trình mâu thuẫn; còn dữ liệu có được từ bảng hỏi phản ánh hệ thống chủ quan của những định hướng và những mối quan hệ giữa các cá nhân- những cảm giác và ý tưởng đáng chú ý của người trả lời, khuynh hướng của họ hành động đối với người vợ/chồng và khuynh hướng nhận định cũng như đánh giá lẫn nhau theo nhiều cách khác nhau. Ngoài ra, các nghiên cứu được thiết kế để đo lường về chủ đề mâu thuẫn vợ chồng thường hướng đến một số giai đoạn cụ thể trong quá trình mâu thuẫn làm đối tượng nghiên cứu. Chẳng hạn, một số nghiên cứu tập trung tìm hiểu những nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng, diễn biến của quá trình mâu thuẫn, một số nghiên cứu lại chỉ tập trung vào biểu hiện cao nhất của mâu thuẫn vợ chồng là bạo lực để tìm kiếm thông tin. Như vậy, với những đặc điểm đó, mỗi loại công cụ điều tra được áp dụng cho các mục đích nghiên cứu khác nhau.

Các thiết kế nghiên cứu theo hướng quan sát thực nghiệm

Giống như luận giải của Wallace ở trên, các nghiên cứu theo hướng tâm lý học thường sử dụng phương pháp quan sát để tìm hiểu những phản ứng của các đối tác hôn nhân trong quá trình tương tác với nhau bởi họ cho rằng: “nghiên cứu những gì người ta nói về họ không thay thế được việc nghiên cứu xem họ hành xử như thế nào” (Raush, Barry, Hertel, và Swain, 1975: 5). Chủ đề nghiên cứu mâu thuẫn vợ chồng qua các nghiên cứu tâm lý học cũng thường được thực hiện theo hướng đó. Vào những

năm 1970 của thế kỷ XX, phương pháp quan sát đã được sử dụng trong các nghiên cứu về hôn nhân để thiết kế và đánh giá các chương trình can thiệp. Những nghiên cứu này tập trung vào các cuộc thảo luận để giải quyết vấn đề trong phòng thí nghiệm và cung cấp thông tin chi tiết xem những cặp đôi có trực trực và không trực trực hành xử như thế nào trong quá trình mâu thuẫn. Với phương pháp này, các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các mệnh đề tiêu cực và hành vi tiêu cực trong giao tiếp có ảnh hưởng xấu đến việc giải quyết mâu thuẫn (Frank D. Fincham, 2003).

Thiết kế thí nghiệm - thực nghiệm cũng là một phương pháp được sử dụng nhiều trong các nghiên cứu về mâu thuẫn vợ chồng, theo đó các nhà nghiên cứu sẽ đưa ra các tình huống nhân tạo bắt chước các tình huống thực để thu được các phản ứng từ các đối tác. Nghiên cứu của Gottman sử dụng phương pháp quan sát người vợ và người chồng trong suốt cuộc hội thoại và ghi lại những hành vi tích cực và tiêu cực của họ, sau đó cộng tổng những khác biệt giữa hành vi tích cực và tiêu cực của họ theo thời gian. Phát hiện của Gottman từ phương pháp quan sát cuộc hội thoại giải quyết mâu thuẫn cho thấy các cặp có hành vi tích cực hài lòng với hôn nhân của họ hơn và cũng ít ly hôn hơn so với những cặp thiên về tiêu cực (Gottman, 1993).

Thiết kế kiểu nghiên cứu nhật ký (Diary Studies) cũng là một dạng của nghiên cứu quan sát. Kiểu thu thập thông tin này giúp phác họa những căng thẳng hôn nhân gắn liền với những căng thẳng khác trong cuộc sống hàng ngày. Các nghiên cứu ghi nhật ký cho thấy những cặp đôi có sự tương tác hôn nhân căng thẳng hơn ở nhà vào những ngày áp lực cuộc sống cao hơn là vào những ngày bình thường khác và vào những thời điểm và địa điểm nơi họ trải nghiệm sự cạnh tranh.

Ưu điểm nổi bật thấy rõ ở các nghiên cứu sử dụng thị giác về quan hệ vợ chồng (hay quan hệ sống chung) là việc cả hai đối tác hôn nhân cùng tham gia vào quá trình nghiên cứu. Nhất là trong những nghiên cứu tâm lý học thực nghiệm trong phòng thí nghiệm với cỡ mẫu không quá lớn nhưng lại cho thấy bức tranh nhiều chiều mô tả toàn diện về phản ứng của cả hai đối tác của cuộc hôn nhân. Ngoài ra, một số nghiên cứu tập trung vào chủ đề ảnh hưởng của mâu thuẫn hôn nhân thì đối tượng chọn mẫu còn thêm cả con cái và các thành viên khác trong gia đình, với những thiết kế hết sức đa dạng và thú vị.

Các thiết kế nghiên cứu theo hướng điều tra thực nghiệm

Các nghiên cứu điều tra thực nghiệm về mâu thuẫn vợ chồng không chỉ tìm hiểu những cặp vợ chồng nào thường xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đó

là gì mà còn được kỳ vọng lý giải nguyên nhân tại sao và diễn biến như thế nào. Dựa vào đặc tính so sánh theo chiều cạnh về không gian - thời gian, thì các nghiên cứu về chủ đề này được chia làm hai loại là nghiên cứu lịch đại (longitudinal research) và nghiên cứu đồng đại (nghiên cứu theo không gian) (cross-sectional research). Dựa trên quan điểm lý thuyết cho rằng, mâu thuẫn/ xung đột là một quá trình có diễn biến thay đổi theo thời gian, do đó phương pháp nghiên cứu lịch đại phù hợp để nghiên cứu những thay đổi của cá nhân theo thời gian trong mối quan hệ với vợ/chồng mình. Tuy vậy, cũng rất nhiều nhà nghiên cứu sử dụng cách nghiên cứu đồng đại - lát cắt ngang để tìm hiểu về thực trạng mâu thuẫn vợ chồng tại một thời điểm nào đó.

Về mặt phương pháp, sức mạnh của nghiên cứu lịch đại thể hiện ở: i) giúp cho việc mô tả các khuôn mẫu của sự biến đổi theo thời gian; ii) giúp cho việc khái quát hóa về hướng và mức độ của quan hệ nhân quả giữa các biến số xã hội học (Vũ Mạnh Lợi và Nguyễn Hữu Minh, 1996). Cụ thể, trong nghiên cứu của mình, Faith Troupe (2008) đã tận dụng được tối đa sức mạnh của loại nghiên cứu này để tìm hiểu được những thay đổi trong cuộc đời của các cá nhân theo thời gian liên quan đến những mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Tất cả các cuộc hôn nhân đều đối mặt với sự chuyển đổi xảy ra trong suốt chiều dài của mối quan hệ như kết hôn, thay đổi nghề nghiệp, có con, con út rời nhà sống tự lập và nghỉ hưu. Những sự chuyển đổi này có thể là nguồn gốc của mâu thuẫn trong hôn nhân và gia đình. Do vậy, chỉ nghiên cứu lịch đại theo nhịp thời gian mới lột tả được sự biến đổi cùng với những mâu thuẫn của cá nhân người vợ/chồng và gia đình theo thời gian - gắn với các giai đoạn đường đời của họ và quan hệ nhân quả giữa những biến số xã hội học với tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Tác giả sử dụng 3 lớp dữ liệu từ điều tra quốc gia về gia đình và hộ gia đình, nghiên cứu sử dụng nhóm mẫu là 289 cặp đôi để khảo sát về các kỹ thuật giải quyết mâu thuẫn và những tác động của sự chán nản (trầm cảm - depression), việc có con, sự khác biệt về lứa tuổi, thu nhập chủng tộc giữa các cặp đôi đến mâu thuẫn trong hôn nhân. Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy các cuộc tranh luận nảy lửa có tác động tiêu cực và những mâu thuẫn được thảo luận một cách bình tĩnh có tác động tích cực đến mâu thuẫn theo thời gian. Như vậy cách thức vợ và chồng thể hiện trong quá trình diễn ra xung đột ảnh hưởng nghiêm trọng đến vấn đề mâu thuẫn giữa vợ và chồng theo thời gian, hoặc là nó càng làm nghiêm trọng hơn, hoặc nó nhẹ hơn nhiều. Các yếu tố như lứa tuổi, thu, nhập chủng tộc được xem như những biến can thiệp đến biến “tranh luận nảy lửa”. Nghĩa là bản thân vấn đề gốc rễ gây mâu thuẫn không phải là yếu

tổ then chốt ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ vợ chồng mà thực chất là cách thức hai bên phản ứng trong quá trình mâu thuẫn mới có tác động lớn hơn theo thời gian.

Ngoài ra, để lý giải các yếu tố dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng cũng như kiểm chứng hệ thống các lý thuyết nghiên cứu về mâu thuẫn vợ chồng, nhiều nhà nghiên cứu đã thiết kế các nghiên cứu đối chứng/ so sánh. Nghiên cứu của Gottman (2003), so sánh các cặp đang trực trực và không trực trực để tìm ra cách họ hành xử như thế nào trong quá trình giải quyết mâu thuẫn. Birchler, Gary R; Webb, Linda J (1977) trong nghiên cứu “Phân biệt các hành vi tương tác trong các cuộc hôn nhân hạnh phúc và không hạnh phúc” đã lựa chọn 50 cặp hạnh phúc và 50 cặp không hạnh phúc để kiểm định cho các giả thuyết của mình. Kết quả chỉ ra rằng những cặp không hạnh phúc biểu lộ ít sự gắn kết, lòi cuốn với người kia trong cả các hoạt động giải trí có lựa chọn đến những chia sẻ tình dục. Và các cặp không hạnh phúc bộc lộ sự hăng hực trong việc giải quyết vấn đề bởi chính những mâu thuẫn chưa được giải quyết.

Thêm một phương pháp trong dạng thiết kế điều tra thực nghiệm về chủ đề mâu thuẫn vợ chồng đó là trắc nghiệm tâm lý. Theo một số cách tiếp cận cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bắt nguồn từ sự khác biệt về tính cách giữa hai người (Bono et all, 2002), do đó, các nghiên cứu áp dụng các trắc nghiệm tâm lý để xác định các nhóm tính cách khác nhau và xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ và chồng là do yếu tố khác biệt tính cách hay các yếu tố xã hội khác. Oppenheimer (1988) cho rằng sự thành công của hôn nhân phụ thuộc vào các yếu tố: sự chọn lựa và quá trình xã hội hóa. Sự lựa chọn vợ chồng thường do sự đối chiếu những đặc điểm giống nhau hoặc bổ sung cho nhau hay những đặc điểm tiềm năng mà họ đánh giá cao, ngưỡng mộ. Bộ đánh giá “5 mặt tính cách chủ yếu” (The big five personality traits)⁽¹⁾ được chấp nhận và sử dụng phổ biến nhất trong mô hình về tính cách con người trong tâm lý học hàn lâm, với 5 loại tính cách cơ bản như sau: hướng ngoại (extraversion); tâm lý bất ổn (neuroticism); dễ chịu (agreeableness); tận tâm (conscientiousness) và cởi mở (openness to experience). Nhiều khảo sát cho thấy có ảnh hưởng của tính cách của cá nhân và các đối tác đến những mâu thuẫn liên cá nhân, đặc biệt là giữa bạn bè, bạn cùng phòng hay các cặp vợ chồng (Buss, 1991). Các nghiên cứu khác cũng chỉ ra chính sự quy kết cá nhân tạo nên mâu thuẫn giữa họ. Graziano và cộng sự (1996) cho rằng tính cách dễ chịu (agreeableness) có liên hệ chặt chẽ đến kiểu có thể giữ gìn được các quan hệ xã hội một cách hài hòa. Oppenheimer (1988) lại nhấn mạnh, dù mỗi cá nhân nghiêng nhiều hơn về mặt tính cách nào, song luôn xảy ra khả năng là các cặp vợ

chồng sẽ thay đổi hoặc không thay đổi những đặc điểm còn tồn tại để thích ứng với cuộc hôn nhân. Khi chỉ một người người thay đổi có thể sẽ tác động tới cân bằng quyền lực hoặc tạo ra những căng thẳng trong quan hệ, và do đó góp phần tạo ra sự bất ổn trong hôn nhân và ngược lại.

Công cụ nhận dạng mâu thuẫn vợ chồng trong nghiên cứu thực nghiệm⁽²⁾

Mâu thuẫn vợ chồng được xem là một chủ đề nghiên cứu khá nhạy cảm mà không phải người trả lời nào cũng dễ dàng chia sẻ và không dễ dàng để thu thập được các thông tin chi tiết về mức độ mâu thuẫn và các ảnh hưởng của nó. Do vậy các nghiên cứu định tính và định lượng đều đã được triển khai để nhận diện vấn đề. Các nghiên cứu định lượng cố gắng để đo lường mức độ phổ biến của tình trạng mâu thuẫn trong các cặp vợ chồng và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong các cặp đã kết hôn nhằm cung cấp thông tin toàn diện cho vấn đề này. Tuy nhiên nghiên cứu định lượng gặp phải hạn chế bởi sự che giấu của bối cảnh, sự phức tạp của các vấn đề mâu thuẫn và tính tự nhiên, phổ biến của mâu thuẫn trong cuộc sống. Do vậy sự kết hợp với các nghiên cứu định tính là cần thiết để tìm tòi, đi sâu vào các góc ngách và khám phá những trải nghiệm của các đối tác trong quá trình nảy sinh và giải quyết. Theo đó, các bộ công cụ với các dạng câu hỏi khác nhau cũng được sử dụng linh động để tối ưu hóa việc thu thập các thông tin một cách chân thực nhất.

Đến thời điểm này, đã có rất nhiều bộ công cụ đánh giá về mâu thuẫn vợ chồng được xây dựng để đo lường về tình trạng này từ mức độ nhỏ là những bất đồng đến mức độ cao hơn là bạo lực. Một số bộ công cụ được thiết kế để nhận diện các yếu tố nguy cơ có khả năng gây ra mâu thuẫn. Một số bộ công cụ tập trung thẳng vào biểu hiện cao nhất của mâu thuẫn đó là các hành vi bạo lực giữa vợ và chồng (VD: Conflict Tactics Scale-CT) (Straus, 1979: dẫn theo Child Trends, 2003.). Một số loại công cụ khác lại tập trung vào khai thác thông tin về các cách thức giải quyết xung đột/ mâu thuẫn giữa vợ và chồng (Olson Fournier & Druckman, 1985: dẫn theo Child Trends, 2003). Đáng lưu ý là một số bộ công cụ được thiết kế theo các giai đoạn của quá trình xung đột, từ khi xuất hiện các nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn. Đo lường về sự hài lòng đối với người bạn đời, những mong muốn điều chỉnh, thay đổi người bạn đời (Areas of Change Questionnaire-ACQ) (Weiss Hops & Patterson, 1973: dẫn theo Child Trends, 2003); Tìm hiểu cận kề những nguyên nhân, yếu tố tác động đến tình trạng mâu thuẫn, từ các yếu tố khách quan đến chủ quan (Construction of Problems Scale-CPS; Heatherington, 1998: dẫn theo

Child Trends, 2003); Đo lường sự khác biệt giữa vợ và chồng trong cách nhìn mọi việc và tìm hiểu xem người trả lời cảm thấy như thế nào về sự khác biệt này (Beier-Sternberg Discord Questionnaire-DQ) (Beier & Sternberg, 1977: dẫn theo Child Trends, 2003);

Các bộ công cụ được thiết kế để tìm hiểu trực tiếp về các lĩnh vực thường xảy ra mâu thuẫn hôn nhân, mức độ mâu thuẫn trong các lĩnh vực đó và người trả lời tự đánh giá lựa chọn về những loại mâu thuẫn xuất hiện trong cuộc sống của họ theo thang đo mức độ có sẵn (VD: bộ công cụ DAS) (Spanier, 1976: dẫn theo Child Trends, 2003). Theo đó, các chỉ báo về các lĩnh vực mâu thuẫn và mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn được sử dụng khá đa dạng trong các nghiên cứu quốc tế. Thực tế là, việc phân chia lĩnh vực mang tính tương đối và có sự móc nối với nhau nên khó tìm hiểu được thực chất sự khác biệt hay mâu thuẫn bắt nguồn từ đâu. Mặt khác, việc đánh giá mức độ nghiêm trọng phụ thuộc vào cảm nhận chủ quan của người trả lời nó khiến cho không lượng hóa được chính xác mức độ mâu thuẫn và khó khăn trong việc khái quát trên diện rộng. Trong một số trường hợp, nên thay thế các thang đo chung chung như: Thường xuyên, thỉnh thoảng, không bao giờ... bằng thang đo về mức độ thường xuyên xảy ra và quy ước bằng số lần trong một thời gian nhất định nào đó.

Ngoài ra, việc thiết kế các câu hỏi tự thuật (self-report) cần có một tác động nghệ thuật giúp tạo ra các mẹo để kiểm tra những ý kiến mà bề ngoài là không muốn hay không thích trả lời. Khi đó, những chỉ báo chi tiết và những thông tin rất gần gũi với đời sống hàng ngày được đưa ra để người trả lời dễ dàng chia sẻ một cách khách quan về những mâu thuẫn của họ. Bộ công cụ của Gottman (1999) (dẫn theo Child Trends, 2003) là một ví dụ như thế. Với những trắc nghiệm “đúng/sai” đề cập tới những tình huống ứng xử giữa vợ và chồng (chẳng hạn: những vấn đề nhỏ bỗng dưng trở lên to chuyện; chồng/vợ tôi luôn đưa ra hàng loạt những nhu cầu vô lý; tôi không dễ dàng giữ được bình tĩnh trong suốt cuộc tranh luận; một người trong chúng tôi luôn nói những điều mà sau đó phải hối tiếc;...). Qua đó, người trả lời không trực tiếp khẳng định vợ chồng họ có mâu thuẫn hay không nhưng thông tin thu được vẫn phản ánh đầy đủ các chỉ báo về những mâu thuẫn trong cuộc sống của họ. Hoặc nhiều người không muốn trả lời rằng họ có hành vi bạo lực với chồng/vợ mình, nhưng các câu hỏi không ám chỉ việc lên án và coi các hành động đó là rất nghiêm trọng. Hoặc một số câu hỏi được thiết kế coi như hành động bạo lực là một sự dạy dỗ theo quan điểm truyền thống. Theo hướng này, người trả lời ít bị rơi vào cảm giác phạm lỗi và đang bị tra hỏi. Hộp dưới đây đưa ra một công cụ được xem là có chiến thuật để khai thác thông tin chi tiết về mức

Hộp 1: Bộ công cụ Dyadic Adjustment Scale (DAS, Spainer, 1976: dẫn theo Child Trends, 2003)

Câu 1. “Hầu hết mọi người đều có những bất đồng trong mối quan hệ của họ”. Xin vui lòng đánh giá một cách tương đối mức độ hòa hợp hay bất đồng giữa anh/chị và vợ/chồng mình trong mỗi vấn đề được liệt kê dưới đây theo các mức độ như sau:

0= Luôn luôn bất đồng 1= Hầu hết là bất đồng
2= Thường xuyên bất đồng 3= thỉnh thoảng bất đồng
4= Hầu hết là đồng thuận 5= Hoàn toàn đồng thuận

1. Các vấn đề tài chính gia đình
2. Các vấn đề về giải trí, nghỉ ngơi
3. Vấn đề tôn giáo
4. Các biểu hiện sở thích
5. Bạn bè
6. Quan hệ tình dục
7. Các phong tục tập quán (Các hành vi đúng hoặc chuẩn mực)
8. Triết lý sống
9. Cách ứng xử với cha mẹ hoặc cha mẹ bên vợ/chồng
10. Mục đích, mục tiêu và những điều tin là quan trọng
11. Khoảng thời gian bên nhau
12. Ra các quyết định quan trọng
13. Các nghĩa vụ gia đình
14. Thời gian rảnh rỗi cho các hoạt động và sở thích
15. Quyết định nghề nghiệp

Câu 2: Các anh/chị vui lòng trả lời các câu hỏi sau sử dụng thang điểm dưới đây

0= Luôn luôn 1= Gần như luôn luôn
2= Khá thường xuyên 3= Thỉnh thoảng
4= Hiếm khi 5= Chưa bao giờ

16. Anh/chị có thường thảo luận hay cân nhắc tới việc ly hôn, ly thân hay hạn chế gặp mặt trong quan hệ của anh chị không?
17. Anh/chị hay vợ/chồng anh/chị có thường xuyên ra khỏi nhà sau khi cãi nhau không?
18. Nhìn chung, anh/chị có thường nghĩ rằng mọi chuyện giữa anh và chị đang diễn ra tốt đẹp không?
19. Anh/chị có thường giải bày tâm sự với vợ/chồng mình?
20. Anh/chị có thường thường cảm thấy hối tiếc vì đã kết hôn?
21. Vợ chồng anh chị có thường xuyên tranh cãi to tiếng không?
22. Anh/chị và vợ/chồng mình có thường làm người kia cảm thấy khó chịu, bức mình không?

độ của mâu thuẫn vợ chồng.

Như vậy, các câu hỏi ngoài việc tìm hiểu về mức độ thường xuyên mâu thuẫn còn thu được thông tin về mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn? Tác giả dùng một loạt 7 câu hỏi nhỏ để đo cụ thể mức độ mâu thuẫn, từ việc tìm hiểu về ý nghĩ ly hôn đã từng lóe lên trong đầu, hay thường xuyên cân nhắc việc đó (câu 16), đến việc cân có một khoảng thời gian yên tĩnh để suy xét lại mọi việc sau những trận cãi vã (câu 17), đến việc tin tưởng và hy vọng để cứu vãn cuộc hôn nhân (câu 18), đến thái độ cố gắng chia sẻ, tâm sự để tìm lại sự đồng thuận giữa hai người (câu 19); rồi tiếp đó có vẻ như là sự thất vọng, cố gắng tìm câu trả lời thực sự hối tiếc hay không hối tiếc về cuộc hôn nhân này (câu 20) và cuối cùng là hỏi trực tiếp về mức độ tranh cãi, to tiếng và sự khó chịu không thể chấp nhận được với đối phương (câu 20, 21). Những câu hỏi trên được tái tạo lại một cách cẩn thận từ những thông tin mà người ta vẫn sử dụng trong cuộc sống hàng ngày và hơn nữa đó là “khi ta chưa biết về người mà chúng ta đang điều tra, khảo sát, bằng nhiều cách, ta phải thiết kế cuộc điều tra của mình như thể chúng ta đã biết về họ” (Baker, 1998: 282). Các câu hỏi của Spainier được thiết kế như một sự đồng cảm với diễn biến tâm trạng của người trả lời, như một cuộc trò chuyện giữa những người bạn thân thiết, hiểu rõ quá trình mà người trả lời trải qua trong mối quan hệ của mình. Bên cạnh đó, mệnh đề khẳng định ở đầu câu hỏi (1) với chiến lược tâm lý đám đông giúp người trả lời thoải mái khi chia sẻ về vấn đề của mình.

3. Kết luận

Như vậy có thể thấy cách thức hiệu quả được sử dụng trong nhiều nghiên cứu quốc tế về mâu thuẫn vợ chồng là cách tiếp cận xem xét mâu thuẫn là một quá trình và khác biệt theo từng giai đoạn đường đời, do đó các thiết kế nghiên cứu về chủ đề này rất đa dạng và chủ yếu được xây dựng theo phương pháp điều tra lịch đại, đối chứng và so sánh. Thậm chí các nghiên cứu chỉ dùng phương pháp quan sát cũng được thiết kế theo hướng lịch đại, có quan sát so sánh theo từng giai đoạn của hôn nhân. Ngoài ra, khung phân tích mâu thuẫn vợ chồng thường đặt trong mối tương quan giữa cả người vợ và người chồng với vấn đề mâu thuẫn và điểm mạnh của các nghiên cứu quốc tế chính là khách thể nghiên cứu thường là cả người vợ/chồng và đối tác hôn nhân của họ.

Dựa trên lý thuyết về quá trình xung đột, đặc điểm về quá trình giao tiếp, đặc điểm hộ gia đình và các yếu tố tạo nên sự khác biệt cá nhân như tính cách, sở thích đã được tính đến trong quá trình thiết kế nghiên cứu để phản ánh rõ hơn về sự khác biệt thực tế giữa vợ và chồng.

Chúng tôi cho rằng, các biến số về hành vi giải quyết xung đột cũng cần được xem xét trong các thiết kế nghiên cứu. Ngoài việc kiểm định lý thuyết, việc xây dựng các biến số về hành vi giải quyết xung đột sẽ giúp tìm ra câu trả lời về cách thức và sự khác biệt giữa các nhóm xã hội để việc giải quyết xung đột không diễn ra bằng bạo lực. Tác giả bài viết hy vọng, những gợi mở trên sẽ là gợi ý cho các nghiên cứu can thiệp về mâu thuẫn vợ chồng ở Việt Nam. ■

Chú thích

⁽¹⁾ The Big-Five Factor Markers from the International Personality Item Pool, developed by Goldberg (1992)

⁽²⁾ Các ví dụ về bộ công cụ nhận dạng mâu thuẫn vợ chồng được tham khảo trong tài liệu: Conceptualizing and Measuring “Healthy Marriages” For Empirical Research and Evaluation Studies: A Compendium of Measures- Part 2. Kristin A. Moore và cộng sự biên soạn. Truy cập ngày 6/12/2016: <http://www.childtrends.org/wp-content/uploads/2013/09/Healthy-Marriages-Part-II.pdf>

Tài liệu trích dẫn

- Baker L.T. 1998. *Thực hành nghiên cứu xã hội*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội
- Birchler, Gary R.; Webb, Linda J. 1977. Discriminating interaction behaviors in happy and unhappy marriages. *Journal of Consulting and Clinical Psychology*, Vol 45(3), Jun 1977, 494-495.
- Bono et al. 2002. The role of personality in task and relationship conflict. *Journal of Personality*. Wiley online library. <http://www.timothyjudge.com/Bono%20et%20al.%20J.%20Personality.pdf>
- Buss D.M. 1991. Conflict in Married Couples: Personality Predictors of Anger and Upset. *Journal of Personality*. Vol 59 (4), Dec 1991, 663-688.
- Frank D. Fincham. 2003. Marital Conflict: Correlates, Structure, and Context. *Journal of Current Directions in Psychological Science*. Truy cập tại: http://www.psychologicalscience.org/journals/cd/12_1/Fincham.cfm
- Gottman, J. M. 1993. The roles of conflict engagement, escalation, or avoidance in marital interaction: A longitudinal view of five types of couples. *Journal of Consulting and Clinical Psychology*, 61, 6-15
- Gottman, J. M. 2003. Marital Conflict: Correlates, Structure, and Context. *Current Directions in Psychological Science*. Vol 12(1), Feb 2003, 23-27
- Graziano, William G.; Jensen-Campbell, Lauri A.; Hair, Elizabeth C. 1996. Perceiving interpersonal conflict and reacting to it: The case for agreeableness. *Journal of Personality and Social Psychology*, Vol 70(4), Apr 1996,

820-835.

Grych, J.H & Fincham, F.D. (Eds). 2001. *Interparental conflict and child development: Theory, research and applications*. New York: Cambridge University Press.

Margaret R. Elman and Lucia A. Gilbert. Coping Strategies for Role Conflict in Married Professional Women with Children. *Family Relations*. Vol. 33, No. 2 (Apr., 1984), pp. 317-327. Published by: Article Stable: URL;

Oppenheimer VK. 1988. *A theory of marriage timing: Assortative mating under varying degrees of uncertainty*. *American Journal of Sociology*. 94(3):563–591. doi: 10.1086/229030.

Raush, H.L., Barry, W.A., Hertel, R.K., & Swain, M.A. (1974). *Communication, conflict, and marriage*. San Francisco: Jossey-Bass

Troupe, Faith Y. 2008. Marital Conflict: A Longitudinal Study. *Electronic Theses, Treatises and Dissertations*. Paper 1511. <http://diginole.lib.fsu.edu/etd/1511>

Vũ Mạnh Lợi và Nguyễn Hữu Minh. 1996. Vài nét về nghiên cứu lịch đại trong xã hội học thực nghiệm. *Tạp chí Xã hội học*, số 4.

Vũ Mạnh Lợi. 2016. *Bài giảng phương pháp nghiên cứu xã hội học*. Khóa đào tạo Cao học Xã hội học. Học viện Khoa học Xã hội.

Child Trends. 2003. Conceptualizing and measuring “Healthy Marriages” for empirical research and evaluation studies: A compendium of measures- Part II. Washington, DC: Child Trends, Inc.

(<http://www.childtrends.org/wp-content/uploads/2013/09/Healthy-Marriages-Part-II.pdf>).